

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2022 .

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát.

2. Ông Võ Hồng Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **01/2022/TLST-HNGĐ** ngày **06 tháng 01 năm 2022** về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **13/2022/QĐST-HNGĐ** ngày **24 tháng 02 năm 2022**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Điền Thị Bạch M, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số 26, đường N, khu phố B, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 26, đường N, khu phố B, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày **15-12-2021**, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Điền Thị Bạch M** trình bày:

Bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1979, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do ông B không chung thủy, hay ghen tuông, chửi mắng xúc phạm bà M, có lần còn đánh đập bà M. Khoảng 10 năm trở lại đây tuy sống chung nhà nhưng ông bà không còn tình cảm vợ chồng. Từ tháng 10/2021 cho đến nay bà M chuyển đến sinh sống cùng con gái ruột, ông B vẫn nhắn tin xúc phạm, kêu người đến đánh ghen bà. Do không thể chịu đựng được cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên là Lê Điền Thúy N, sinh năm 1980 và Lê Điền Tuyết N, sinh năm 1983 đã thành niên, có gia đình riêng, tự lao động, sinh sống được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà M trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn B trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian chung sống, kết hôn. Do bà M muốn ly hôn nên trình bày nhiều mâu thuẫn vợ chồng, trên thực tế vợ chồng chỉ cãi vã, to tiếng với nhau, ông không đánh đập và hành hạ thể xác, tinh thần đối với bà M. Ông thừa nhận có 01 lần trước đây ông quan hệ với người phụ nữ khác đến nay đã sửa đổi, không tái phạm. Ông phát hiện trong điện thoại bà M có tin nhắn của người đàn ông khác hỏi thăm nên có nghi ngờ, ghen tuông. Khoảng 10 năm trở lại đây vợ chồng không còn ngủ chung với nhau, từ tháng 10/2021 đến nay bà M chuyển về sinh sống với con gái út ở thành phố Hồ Chí Minh, khoảng thời gian này nhiều lần ông gọi điện nhắn tin hỏi thăm bà M nhưng bà M không liên lạc khiến ông tức giận nhắn tin xúc phạm bà M. Ông vẫn còn thương yêu bà M, chấp nhận để bà M sống riêng với con gái nhưng nhất quyết không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà M.

Tại phiên tòa ông B, bà M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điền Thị Bạch M về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Văn B.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Điền Thị Bạch M và ông Lê Văn B.

Về con chung: Bà M và ông B có 02 con chung tên là Lê Điền Thúy N, sinh năm 1980 và Lê Điền Tuyết N, sinh năm 1983 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà Mai là người cao tuổi được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Điền Thị Bạch M khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Lê Văn B cư trú tại phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Do vậy vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà M và bị đơn ông B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông B tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Tây Ninh (nay thành phố Tây Ninh) vào năm 1979. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Để làm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B và bà M, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông B, bà M và chị Lê Điền Thúy N (con ruột của ông bà) đồng thời hòa giải mối quan hệ hôn nhân cho ông bà nhưng bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự đã thể hiện cuộc sống hôn nhân của ông B, bà M không hạnh phúc, chung sống không hòa hợp, thường

xuân xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, từ tháng 10-2021 cho đến nay bà M và ông B đã không còn chung sống cùng nhau. Ông B không đồng ý ly hôn với bà M nhưng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, trong thời gian sống ly thân ông Bang vẫn tức giận, ghen tuông, nhả tin xúc phạm bà M.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của bà M và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà M đối với ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà M, ông B có 02 con chung Lê Điền Thúy N, sinh năm 1980 và Lê Điền Tuyết N sinh năm 1983 đã thành niên, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Điền Thị Bạch M thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điền Thị Bạch M về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Văn B.

1.1. Cho ly hôn giữa bà Điền Thị Bạch M và ông Lê Văn B.

1.2. Về con chung: Bà M và ông B có 02 con chung tên là Lê Điền Thúy N, sinh năm 1980 và Lê Điền Tuyết N sinh năm 1983 đã thành niên, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Điền Thị Bạch M được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND Phường 2;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND Phường 2;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Liên